

PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT TIẾNG ỒN - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

TRẦN LINH HUÂN *

Tóm tắt: Tiếng ồn đang trở thành vấn đề môi trường đáng lo ngại, ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần, chất lượng sống của con người, môi trường tự nhiên và sự phát triển bền vững. Kết quả nghiên cứu cho thấy pháp luật Việt Nam đã bước đầu thiết lập cơ sở pháp lý cho việc kiểm soát tiếng ồn thông qua quy chuẩn kỹ thuật, chế tài xử lý vi phạm và cơ chế bảo vệ quyền của người dân. Tuy nhiên, các quy định hiện hành còn phân tán, thiếu khung pháp lý điều chỉnh trực tiếp và toàn diện; chưa phân vùng kiểm soát tiếng ồn phù hợp với đặc điểm từng khu vực; cơ chế đo lường chưa thống nhất; quy trình xử lý vi phạm chưa rõ ràng, chế tài chưa bảo đảm tính răn đe; còn thiếu chương trình truyền thông bắt buộc và cơ chế giám sát, phản hồi hiệu quả từ cộng đồng. Trên cơ sở đó, để khắc phục những vấn đề còn hạn chế, bất cập đang tồn tại, bài viết đề xuất xây dựng khung pháp lý chuyên biệt về kiểm soát tiếng ồn; hoàn thiện quy định về phân vùng, giới hạn và đo lường tiếng ồn; quy định rõ quy trình, trách nhiệm, chế tài xử lý vi phạm; thiết lập cơ chế truyền thông, giám sát và tiếp nhận phản hồi của người dân.

Từ khoá: Tiếng ồn; ô nhiễm tiếng ồn; kiểm soát tiếng ồn; pháp luật về kiểm soát tiếng ồn

Nhận bài: 26/3/2025

Hoàn thành biên tập: 30/4/2026

Duyệt đăng: 30/4/2026

THE LAWS ON NOISE CONTROL - CURRENT SITUATION AND SOME RECOMMENDATIONS FOR IMPROVEMENT

Abstract: Noise is becoming an increasingly concerning environmental problem, adversely affecting the physical and mental well-being and quality of life of people, as well as the natural environment and sustainable development. The research findings indicate that Vietnamese law has begun to establish a legal basis for noise control through technical provisions, sanctions for violations and mechanisms for protecting citizens' rights. However, the current provisions remain fragmented and lack a direct and comprehensive legal framework; noise-control zones have not been designated in accordance with the specific characteristics of different areas; measurement mechanisms are not yet standardised; procedures for handling violations remain unclear, while sanctions do not ensure sufficient deterrence; and mandatory public communication programmes and effective mechanisms for community monitoring and feedback are still lacking. To address the existing limitations and shortcomings, the article proposes establishing a specialised legal framework for noise control; improving provisions on noise-control zoning, permissible noise limits and noise measurement; clearly defining procedures, responsibilities and sanctions for violations; and establishing mechanisms for public communication, monitoring and receiving citizens' reports.

Keywords: Noise; noise pollution; noise control; laws on noise control

Received: 26 March 2025; Editing completed: 30 April 2026; Accepted for publication: 30 April 2026

* Thạc sĩ, Trường Đại học Luật
Thành phố Hồ Chí Minh
E-mail: tlhuan@hcmulaw.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình đô thị hoá và phát triển kinh tế nhanh chóng, ô nhiễm tiếng ồn đang

nổi lên như một vấn đề môi trường nghiêm trọng tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Tiếng ồn phát sinh từ giao thông, xây dựng, sản xuất công nghiệp và sinh hoạt xã hội không chỉ làm suy giảm chất lượng sống mà còn trực tiếp đe dọa đến sức khỏe thể chất và tinh thần của con người, gây ra các hậu quả như mất ngủ, suy giảm thính lực, tăng huyết áp, rối loạn tim mạch và nhiều bệnh lý mãn tính khác. Đồng thời, tiếng ồn còn tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, làm thay đổi tập tính của các loài động vật, phá vỡ cân bằng sinh thái. Trước thực trạng đó, pháp luật Việt Nam đã có những bước đầu trong việc kiểm soát tiếng ồn (KSTO) thông qua Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) và các văn bản liên quan, tuy nhiên quá trình thực thi cho thấy vẫn còn những vấn đề hạn chế, bất cập nhất định, điều này đang cản trở nỗ lực KSTO một cách toàn diện, hiệu quả. Chính vì vậy, việc nghiên cứu pháp luật về KSTO có vai trò quan trọng. Theo đó, ở phương diện lý luận, việc nghiên cứu pháp luật về KSTO góp phần làm rõ các vấn đề về khái niệm tiếng ồn, KSTO, pháp luật về KSTO, góp phần khẳng định tầm quan trọng của KSTO như một nội dung không thể thiếu trong hệ thống pháp luật BVMT, từ đó xây dựng nền tảng lý luận vững chắc cho hoạt động lập pháp và thực thi pháp luật. Ở phương diện pháp luật, nghiên cứu giúp hệ thống hoá và đánh giá tính đầy đủ, khả thi, hiệu lực của các quy định hiện hành; làm rõ khoảng trống, mâu thuẫn trong quy định và thực tiễn áp dụng, từ đó đặt nền móng cho việc xây dựng định hướng hoàn thiện pháp luật phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Về phương diện thực tiễn, việc nghiên cứu là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách trong

việc KSTO trên cơ sở đề xuất giải pháp khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, cũng như cung cấp cơ sở khoa học để người dân bảo vệ quyền lợi chính đáng và giúp các cơ quan quản lý nhà nước nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát, xử lý vi phạm về tiếng ồn. Việc nghiên cứu, phân tích thực trạng pháp luật KSTO, nhận diện các vấn đề bất cập, hạn chế và đề xuất giải pháp hoàn thiện là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh hiện nay nhằm góp phần xây dựng nền tảng pháp lý vững chắc, bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, chứng minh làm rõ thực trạng pháp luật hiện hành liên quan đến KSTO, từ đó đưa ra các giải pháp có giá trị cho quá trình hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

2. Tầm quan trọng của việc kiểm soát tiếng ồn

Tiếng ồn (noise) được bắt nguồn từ tiếng La tinh “nausea” nghĩa là ồn ào - là tập hợp những âm thanh tạp loạn với các tần số và cường độ âm khác nhau, gây cảm giác khó chịu cho người nghe¹. Ở góc độ nghiên cứu, “*tiếng ồn thường được xác định là âm thanh không mong muốn hoặc tập hợp những âm thanh có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến con người*”². Dưới khía cạnh pháp lý, theo quy định pháp luật Việt Nam, “*tiếng ồn là tất cả*

¹ Nguyễn Lưu Lan Phương (2018), “Pháp luật Liên minh châu Âu và một số nước châu Âu về kiểm soát nguồn ồn giao thông - Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn*, số 36, tr. 74.

² Michael D. Seidman, Robert T. Standring (2010), “Noise and Quality of Life”, *International Journal of Environmental Research and Public Health*, Vol. 7, No. 10, tr. 3730.

các âm thanh có thể làm tổn hại đến khả năng nghe hoặc gây hại cho sức khỏe hoặc gây các nguy hiểm hoặc sao nhãng khác”³; hay: “tiếng ồn trong quy chuẩn này được hiểu là các âm thanh lớn phát ra từ việc sử dụng các thiết bị, máy móc, công cụ, dụng cụ và các nguồn khác tới khu vực bị ảnh hưởng gây cảm giác khó chịu cho con người”⁴. Từ cách định nghĩa trên, có thể hiểu tiếng ồn không chỉ đơn thuần là những âm thanh lớn hay chói tai mà là bất kì âm thanh nào gây cảm giác khó chịu, phiền toái hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến con người và có thể phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau. Yếu tố quyết định để một âm thanh được coi là tiếng ồn không chỉ nằm ở bản chất âm thanh mà còn là ở mức độ tác động nó gây ra. Vì vậy, việc xác định một âm thanh có phải là tiếng ồn hay không cần được xem xét trong từng bối cảnh cụ thể, trên cơ sở đánh giá tổng thể cả về đặc điểm âm thanh lẫn những tác động mà nó gây ra. Như vậy, có thể hiểu tiếng ồn là những âm thanh không mong muốn, phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau, có khả năng gây cảm giác khó chịu, phiền toái hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, tinh thần và chất lượng sống của con người.

Trong thực tế, việc xuất hiện của tiếng ồn có thể gây ra nhiều tác hại nghiêm trọng đối với sức khỏe con người cũng như chất lượng cuộc sống. Việc tiếp xúc lâu dài với tiếng ồn có cường độ cao có thể dẫn đến suy giảm thính lực, rối loạn giấc ngủ, tăng huyết áp, rối loạn nhịp tim và nguy cơ mắc các

bệnh tim mạch⁵. Bên cạnh đó, tiếng ồn còn dễ khiến con người cảm thấy căng thẳng, mệt mỏi, mất tập trung, suy giảm hiệu suất lao động, học tập, thậm chí gây ra các rối loạn lo âu, trầm cảm nếu kéo dài. Ngoài ra, tiếng ồn cũng gây mất trật tự xã hội, xâm phạm sự yên tĩnh cần thiết trong khu dân cư, bệnh viện, trường học và nhiều không gian công cộng khác. Mặc dù tác hại là thế nhưng tình trạng ô nhiễm tiếng ồn trên thực tế vẫn còn rất phổ biến gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và chất lượng cuộc sống của người dân. Theo số liệu gần đây, trong đợt quan trắc tiếng ồn lần 1 tại khu vực miền Bắc (tháng 3/2024), có 58/91 phép đo tại 19/31 điểm đạt đến hoặc vượt ngưỡng giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT⁶; đến đợt quan trắc lần 7 (tháng 9/2024), kết quả cho thấy 41/93 phép đo tiếp tục vượt mức quy chuẩn này, chiếm tỷ lệ 44,1%⁷. Những con số này phản ánh rõ thực trạng tiếng ồn tại khu vực miền Bắc vẫn đang ở mức đáng lo ngại. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, từ đầu năm 2024 đến hết tháng 11/2024, Cổng 1022 đã tiếp nhận hơn 11.300 cuộc gọi phản ánh

³ Mục 1.2.2 QCVN 80: 2014/BGTVT quy chuẩn kĩ thuật quốc gia về kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn trên tàu biển.

⁴ Mục 1.3.1 QCVN 26:2025/BNNMT quy chuẩn kĩ thuật quốc gia về tiếng ồn.

⁵ Đinh Thị Mai Trang (2024), *Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 40.

⁶ Cục Môi trường (2024), *Báo cáo chất lượng môi trường không khí và nước khu vực miền Bắc đợt 1 năm 2024*, <https://vea.mae.gov.vn/quan-trac-moi-truong-dinh-ky/10707/bao-cau-chat-luong-moi-truong-khong-khi-va-nuoc-khu-vuc-mien-bac-dot-1-nam-2024>, truy cập 02/7/2025.

⁷ Cục Môi trường (2024), *Báo cáo chất lượng môi trường không khí và nước khu vực miền Bắc đợt 7 năm 2024*, <https://vea.mae.gov.vn/quan-trac-moi-truong-dinh-ky/10713/bao-cau-chat-luong-moi-truong-khong-khi-va-nuoc-khu-vuc-mien-bac-dot-7-nam-2024>, truy cập 02/7/2025.

tiếng ồn⁸, con số này cho thấy tiếng ồn đang là vấn đề nghiêm trọng. Chính vì vậy, vấn đề đặt ra là cần phải KSTO. KSTO là một khía cạnh quan trọng trong việc BVMT và sức khỏe cộng đồng, tuy nhiên hiện nay pháp luật Việt Nam chưa đưa ra khái niệm cụ thể về KSTO. Luật BVMT năm 2020 được sửa đổi, bổ sung các năm 2022, 2023, 2024, 2025 (gọi chung là Luật BVMT năm 2020) mới chỉ dừng lại ở việc đưa ra khái niệm kiểm soát ô nhiễm, theo đó: “*Kiểm soát ô nhiễm là quá trình phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý ô nhiễm*” (khoản 22 Điều 3). Đây là khái niệm dùng để chỉ hoạt động kiểm soát ô nhiễm nói chung. KSTO được xem là một dạng của kiểm soát ô nhiễm bởi tiếng ồn cũng như các dạng ô nhiễm khác (ô nhiễm không khí, nước, đất) là một yếu tố có thể gây tác động tiêu cực đến môi trường, con người và hệ sinh thái. Bản chất của KSTO cũng giống kiểm soát ô nhiễm ở chỗ là nhằm mục tiêu ngăn ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các nguồn gây tiếng ồn. Do đó, trên cơ sở khái niệm kiểm soát ô nhiễm có thể hiểu KSTO là quá trình phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý tiếng ồn nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của tiếng ồn.

KSTO đóng vai trò quan trọng, không chỉ là nhiệm vụ cấp thiết để bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường, mà còn là nền tảng quan trọng để xây dựng xã hội phát triển bền vững, điều này được thể hiện qua các khía cạnh sau:

Một là, KSTO giúp bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo đảm chất lượng cuộc sống người

dân. KSTO đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bởi tiếng ồn quá mức là tác nhân gây hại nghiêm trọng đến cả thể chất lẫn tinh thần của con người⁹. Việc KSTO giúp môi trường sống trở nên yên tĩnh hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho con người nghỉ ngơi, phục hồi sức khỏe và giảm nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến căng thẳng và mất ngủ. Đặc biệt, giảm thiểu tiếng ồn thông qua việc kiểm soát hiệu quả sẽ có ý nghĩa lớn đối với các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như trẻ em, người cao tuổi và những người có vấn đề về sức khỏe, nhờ đó sức khỏe của cộng đồng được đảm bảo. Cùng với đó, KSTO còn giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng cuộc sống vì tiếng ồn không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất mà còn tác động tiêu cực đến tinh thần và cảm xúc của con người. Do đó, khi tiếng ồn được kiểm soát, con người có thể tận hưởng một không gian sống yên tĩnh, giúp thuận lợi cho việc nghỉ ngơi, thư giãn và nâng cao chất lượng giấc ngủ, từ đó góp phần cải thiện sức khỏe. Hơn nữa, việc KSTO còn góp phần nâng cao giá trị của không gian công cộng và môi trường sống, tạo nên những khu vực sinh hoạt an lành, thoải mái và phù hợp cho mọi đối tượng, điều này không chỉ đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển bền vững mà còn giúp đảm bảo chất lượng cuộc sống.

Hai là, KSTO đóng vai trò quan trọng trong việc BVMT, bởi tiếng ồn, đặc biệt là tiếng ồn nhân tạo, được coi là một dạng ô nhiễm gây ra những tác động tiêu cực đến hệ

⁸ Kim Sáng (2024), *Hơn 11.000 cuộc gọi phản ánh về giao thông, tiếng ồn ở TP.HCM*, <https://congly.vn/hon-11-000-cuoc-goi-phan-anh-ve-giao-thong-tieng-on-o-tp-hcm-460278.html>, truy cập 02/7/2025.

⁹ Phạm Thị Hồng Tâm, Trần Linh Huân (2022), “Thực thi pháp luật về kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn và một số yêu cầu đặt ra”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số 140, tr. 129.

sinh thái tự nhiên. Khi tiếng ồn được giảm thiểu, các loài động vật hoang dã có thể duy trì các hành vi tự nhiên như giao tiếp, săn mồi và định hướng mà không bị gián đoạn, từ đó góp phần bảo vệ sự cân bằng sinh thái. Điều này đặc biệt cần thiết đối với các loài nhạy cảm với âm thanh như chim và động vật biển bởi khi tiếng ồn được giảm thiểu sẽ giúp giảm nguy cơ thay đổi hành vi, suy giảm số lượng cá thể và nguy cơ tuyệt chủng. Hơn nữa, KSTO còn giúp duy trì sự hài hoà giữa hoạt động của con người và thiên nhiên, bảo vệ các khu vực sinh thái nhạy cảm như rừng, công viên quốc gia và môi trường sống của động vật hoang dã. Một môi trường ít tiếng ồn không chỉ tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của các loài động thực vật mà còn nâng cao chất lượng không gian sống, giảm căng thẳng và giữ gìn cảnh quan tự nhiên. Do đó, KSTO không chỉ mang lại lợi ích thiết thực cho con người mà còn là một giải pháp thiết yếu BVMT, bảo đảm sự phát triển bền vững và hài hoà giữa các yếu tố tự nhiên.

Ba là, KSTO hỗ trợ phát triển kinh tế bền vững. KSTO đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững, vì điều này góp phần tạo ra một môi trường làm việc, sinh sống ổn định, hiệu quả. Khi tiếng ồn được giảm thiểu, sức khỏe thể chất và tinh thần của người lao động được bảo vệ, từ đó giúp nâng cao năng suất lao động và giảm chi phí liên quan đến chăm sóc sức khỏe. Đặc biệt, trong các lĩnh vực đòi hỏi sự tập trung cao như giáo dục, nghiên cứu khoa học hay công nghệ cao, môi trường ít tiếng ồn sẽ tối ưu hoá hiệu suất làm việc, góp phần vào tăng trưởng kinh tế dài hạn. Bên cạnh đó, việc giảm ô nhiễm tiếng ồn còn hỗ trợ trực tiếp

các ngành kinh tế dựa vào môi trường tự nhiên, như du lịch sinh thái, nông nghiệp và thủy sản. Một môi trường yên tĩnh, trong lành không chỉ thu hút du khách mà còn bảo tồn hệ sinh thái, đảm bảo năng suất bền vững của các ngành này. Đồng thời, KSTO cũng giúp giảm thiểu xung đột xã hội, nâng cao chất lượng sống và xây dựng cộng đồng hài hoà, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và phát triển kinh tế ổn định. Nhìn chung, việc KSTO không chỉ bảo vệ sức khỏe con người và môi trường tự nhiên mà còn là yếu tố then chốt để cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ lợi ích xã hội, đóng góp vào sự phát triển kinh tế bền vững trong dài hạn.

Bốn là, KSTO đáp ứng các cam kết quốc tế. KSTO đóng góp quan trọng vào việc thực hiện các cam kết quốc tế bởi ô nhiễm tiếng ồn là vấn đề toàn cầu, ảnh hưởng sâu rộng đến sức khỏe con người, môi trường và hệ sinh thái, đòi hỏi sự phối hợp và trách nhiệm chung của các quốc gia. Nhiều công ước quốc tế và thoả thuận đa phương như Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc, đã đưa ra các mục tiêu nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, trong đó có tiếng ồn, để bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giảm tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và xây dựng các cộng đồng bền vững. Việc KSTO thể hiện cam kết của một quốc gia trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, chẳng hạn như Mục tiêu 3 (Đảm bảo sức khỏe tốt và nâng cao tuổi thọ), Mục tiêu 11 (Xây dựng thành phố và cộng đồng bền vững) và Mục tiêu 15 (Bảo tồn đa dạng sinh học). Đồng thời, những biện pháp này phù hợp với các yêu cầu của Công ước về Đa dạng sinh học, góp phần bảo vệ các loài

động vật hoang dã và môi trường sống tự nhiên. Hơn nữa, KSTO cũng thể hiện trách nhiệm trong hợp tác quốc tế, đặc biệt khi giải quyết các thách thức xuyên biên giới, như ô nhiễm tiếng ồn tại khu vực biên giới hoặc các vùng biên quốc tế, nơi hoạt động hàng hải gây ảnh hưởng đến động vật biển. Những nỗ lực này không chỉ củng cố uy tín quốc gia trên trường quốc tế mà còn đóng góp vào các giải pháp toàn cầu nhằm BVMT và thúc đẩy phát triển bền vững.

3. Thực trạng pháp luật về kiểm soát tiếng ồn tại Việt Nam hiện nay

Pháp luật môi trường là *“một lĩnh vực pháp luật chuyên ngành bao gồm các quy phạm pháp luật, các nguyên tắc pháp lý điều chỉnh các quan hệ phát sinh giữa các chủ thể trong quá trình khai thác, sử dụng hay tác động đến một hoặc một vài yếu tố của môi trường trên cơ sở kết hợp các phương pháp điều chỉnh khác nhau nhằm bảo vệ một cách hiệu quả môi trường sống của con người”*¹⁰. Thực tế hiện nay, hệ thống pháp luật môi trường được xây dựng, ban hành và áp dụng không chỉ nhằm đảm bảo sự trong lành của môi trường, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà còn giúp ngăn ngừa, hạn chế những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người từ các loại ô nhiễm phát sinh trong đó có ô nhiễm tiếng ồn¹¹, hay nói cách khác pháp luật môi trường bao gồm cả các quy định về KSTO. Do đó, từ cách tiếp cận về khái niệm của pháp luật môi trường và

KSTO nêu trên có thể hiểu pháp luật về KSTO là hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý tiếng ồn.

Hiện nay, vấn đề KSTO đã được đề cập và ghi nhận trong nhiều văn bản khác nhau như: Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật BVMT năm 2020, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Đường bộ năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Nghị định số 110/2026/NĐ-CP), Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT; Nghị định số 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình; QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường... Các văn bản trên đã góp phần quan trọng vào việc tạo ra hành lang cơ sở pháp lý vững chắc để phục vụ cho việc KSTO trong thời gian qua¹².

¹⁰ Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật Môi trường*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 40.

¹¹ Mai Xuân Minh (2013), *Pháp luật về quản lý nước thải khu công nghiệp*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 25.

¹² Phạm Thị Hồng Tâm, Trần Linh Huân (2022), tldd, tr. 129.

Về cơ bản, pháp luật về KSTO tại Việt Nam hiện nay cũng đã thể hiện được những ưu điểm nổi bật, góp phần quan trọng trong việc KSTO, bảo vệ môi trường sống và sức khỏe cộng đồng. Cụ thể, hệ thống pháp luật hiện hành đã thiết lập được khung quy chuẩn kỹ thuật tương đối đầy đủ và rõ ràng, quy định cụ thể ngưỡng giới hạn tiếng ồn theo khu vực, thời gian và nguồn phát sinh, từ đó làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Bên cạnh đó, cơ chế xử phạt được quy định với nhiều mức độ linh hoạt, có tính răn đe cao, từ xử lý kỉ luật, xử phạt vi phạm hành chính đến xử lý hình sự và bồi thường thiệt hại, điều này đã góp phần nâng cao hiệu quả thực thi. Đặc biệt, pháp luật hiện hành còn chú trọng bảo vệ quyền lợi của người dân thông qua việc công nhận quyền được sống trong môi trường trong lành, quyền khiếu nại, quyền tiếp cận thông tin, quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại cũng như khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc phản ánh, giám sát và đấu tranh với các hành vi gây tiếng ồn, từ đó nâng cao tính dân chủ và minh bạch trong quản lí môi trường và KSTO. Ngoài ra, pháp luật cũng đưa ra các công cụ quản lí và biện pháp kĩ thuật như đánh giá tác động tiếng ồn, quan trắc môi trường định kì, ứng dụng công nghệ giảm tiếng ồn theo hướng chuyển từ quản lí bị động sang chủ động, phòng ngừa. Nhờ những ưu điểm này, pháp luật Việt Nam về KSTO đã góp phần quan trọng vào việc đảm bảo quyền được sống trong môi trường trong lành của con người trước các nguy cơ rủi ro từ tiếng ồn gây ra.

Tuy nhiên, nhìn nhận một cách khách quan có thể thấy hiện nay vấn đề KSTO trên

thực tế chưa thật sự hiệu quả, các quy định kiểm soát về vấn đề này không chỉ rải rác trong nhiều văn bản khác nhau mà còn chủ yếu mang tính khái quát, định hướng chung, chưa đi vào điều chỉnh chi tiết, cụ thể dẫn đến công tác KSTO trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn và trở nên thiếu chặt chẽ, hiệu quả, điều này được thể hiện qua các khía cạnh sau:

Một là, thiếu các quy định điều chỉnh trực tiếp, đầy đủ về KSTO. Hiện nay, việc KSTO chủ yếu được lồng ghép trong Luật BVMT và văn bản có liên quan mà chưa có một văn bản pháp luật riêng biệt, chuyên sâu điều chỉnh trực tiếp và đầy đủ về vấn đề này. Sự thiếu vắng một khung pháp lí độc lập, chi tiết đã dẫn đến tình trạng các quy định về KSTO còn rời rạc, thiếu tính hệ thống, chưa bao quát đầy đủ các nguồn phát thải tiếng ồn cũng như các biện pháp quản lí, kĩ thuật cần thiết. Điều này không chỉ gây khó khăn cho việc áp dụng pháp luật trên thực tế mà còn làm giảm hiệu quả quản lí, giám sát và xử lý vi phạm, khiến tình trạng ô nhiễm tiếng ồn ngày càng gia tăng và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng, trật tự xã hội và chất lượng môi trường sống.

Hai là, chưa có quy định cụ thể về phân vùng KSTO cụ thể cho từng loại khu dân cư. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về phân vùng KSTO phù hợp với đặc điểm của từng loại khu dân cư, dẫn đến nhiều bất cập trong việc KSTO. Các khu vực dân cư có đặc thù khác nhau, như khu đô thị, khu nông thôn, khu vực gần khu công nghiệp, hay khu vực gần các tuyến giao thông lớn đều chịu ảnh hưởng từ các nguồn tiếng ồn và mức độ tiếng ồn khác nhau. Tuy nhiên, hiện tại chưa có văn bản pháp luật nào xây dựng

các tiêu chuẩn phân vùng cụ thể, phù hợp với nhu cầu thực tế và đặc điểm của từng khu vực, dẫn đến việc KSTO thiếu tính khoa học và hiệu quả. Sự thiếu vắng các quy định chi tiết này cũng làm giảm hiệu quả của các biện pháp giám sát và xử lý vi phạm tiếng ồn. Các khu dân cư tập trung có yêu cầu cao về sự yên tĩnh nhưng thực tế lại thường xuyên bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn từ các công trình xây dựng hoặc hoạt động kinh doanh lân cận nhưng không có tiêu chí cụ thể để bảo vệ các khu vực này. Trong khi đó, các khu vực thương mại hoặc gần khu công nghiệp, nơi có thể chấp nhận ngưỡng tiếng ồn cao hơn, lại không được quản lý phù hợp để đảm bảo tiếng ồn không lan rộng và ảnh hưởng đến các khu dân cư lân cận.

Ba là, chưa có quy định cụ thể về cơ chế đo lường ô nhiễm tiếng ồn. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về cơ chế đo lường ô nhiễm tiếng ồn gây ra nhiều khó khăn trong việc đánh giá, kiểm soát và xử lý các vi phạm liên quan. Việc thiếu các hướng dẫn chi tiết về thiết bị đo lường, vị trí đo, thời điểm đo và quy trình thực hiện khiến công tác giám sát tiếng ồn chưa đạt được tính khách quan chính xác. Điều này đặc biệt ảnh hưởng nghiêm trọng tại các khu vực thường xuyên chịu tác động từ tiếng ồn cao như gần công trình xây dựng, tuyến giao thông lớn hoặc các khu vực kinh doanh có hoạt động tạo tiếng ồn liên tục. Việc chưa quy định tiêu chuẩn thiết bị đo lường, chẳng hạn các yêu cầu đạt chuẩn quốc tế (như tiêu chuẩn ISO), khiến việc đo lường thiếu tính đồng bộ và không bảo đảm độ tin cậy. Bên cạnh đó, chưa có hướng dẫn rõ ràng về vị trí đo, như đo tại cửa nhà, trong nhà hay gần

nguồn phát tiếng ồn, dẫn đến kết quả đo không phản ánh đúng mức độ ảnh hưởng thực tế đến đời sống cư dân. Thời điểm đo lường cũng chưa được xác định rõ, như đo vào ban ngày, buổi tối hoặc ban đêm để đảm bảo đánh giá đầy đủ tác động của tiếng ồn trong các khung giờ quan trọng. Ngoài ra, pháp luật cũng chưa xác định trách nhiệm cụ thể của các cơ quan thực hiện đo lường, như cơ quan môi trường, chính quyền địa phương hoặc các tổ chức chuyên môn, dẫn đến tình trạng chông chéo hoặc thiếu hụt trong công tác giám sát. Việc không có quy trình đo lường minh bạch và nhất quán không chỉ gây khó khăn cho việc xử lý vi phạm mà còn làm giảm niềm tin của người dân vào các biện pháp quản lý tiếng ồn.

Bốn là, chưa quy định rõ ràng về cơ chế xử lý hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể và rõ ràng về cơ chế xử lý các hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn, dẫn đến nhiều bất cập trong việc kiểm soát và giảm thiểu tác động tiêu cực của tiếng ồn đối với đời sống người dân. Các quy định hiện hành thường mang tính chất khái quát, như yêu cầu đảm bảo tiếng ồn không vượt quá giới hạn cho phép nhưng lại thiếu hướng dẫn chi tiết về các bước phát hiện, xử lý vi phạm và áp dụng chế tài phù hợp cho từng trường hợp cụ thể. Theo đó, chưa có quy trình xử lý rõ ràng từ việc phát hiện vi phạm, đo lường mức tiếng ồn, lập biên bản, đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hình sự đối với các vi phạm nghiêm trọng¹³. Điều này khiến các cơ quan chức

¹³ Ngô Ngọc Diễm (2022), “Cần tội phạm hóa hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 15, tr. 43.

năng, như chính quyền địa phương hoặc cơ quan môi trường gặp khó khăn trong việc thực thi pháp luật và xử lý các trường hợp vi phạm tại thực tế, đặc biệt ở những khu vực đông dân cư. Tại đây, tiếng ồn thường phát sinh từ nhiều nguồn như hoạt động kinh doanh, công trình xây dựng hoặc sinh hoạt cá nhân nhưng lại chưa có cơ sở pháp lý đủ mạnh để xử lý triệt để. Ngoài ra, pháp luật cũng chưa phân loại chi tiết các hành vi vi phạm theo mức độ nghiêm trọng, khiến việc áp dụng chế tài trở nên thiếu nhất quán và không hiệu quả. Hơn nữa, mức xử phạt hiện tại chưa đủ sức răn đe, khiến tình trạng vi phạm tiếng ồn tái diễn phổ biến mà không có biện pháp khắc phục lâu dài. Theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT, tùy vào mức độ tiếng ồn gây ra so với quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn cho phép mà có thể bị áp dụng hình thức xử phạt nhẹ nhất là cảnh cáo hoặc cao nhất là phạt tiền lên đến 160.000.000 đồng đối với cá nhân và 320.000.000 đồng đối với tổ chức; ngoài ra còn có thể áp dụng thêm hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả. Mức xử phạt theo như quy định này là cần thiết để áp dụng xử lý đối với các hành vi vi phạm gây ô nhiễm tiếng ồn nhưng chưa thực sự đủ sức răn đe đối với các hành vi vi phạm, dẫn đến tình trạng các chủ thể mặc dù vi phạm bị xử phạt nhưng vẫn tiếp tục tái phạm¹⁴. Đơn cử như trường hợp của cơ sở

sản xuất nước đá Đ.A tại quận T.P, Thành phố H., cơ sở này đã bị Ủy ban nhân dân quận T.P xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm gấp ba lần ngưỡng tiếng ồn cho phép, tuy nhiên sau khi nộp phạt thì mọi chuyện vẫn diễn ra như cũ¹⁵; hay trường hợp quán I. bị Ủy ban nhân dân phường P.N.L kiểm tra và lập biên bản các hành vi gây tiếng ồn vượt quy định, song sau đó kiểm tra lại thì phát hiện quán vẫn tiếp tục gây ồn¹⁶.

Năm là, chưa quy định cụ thể các chương trình truyền thông bắt buộc về tác hại của ô nhiễm tiếng ồn, quyền và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư trong việc tuân thủ quy định về KSTO. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có các quy định riêng biệt hoặc điều khoản cụ thể về việc bắt buộc triển khai các chương trình truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về ô nhiễm tiếng ồn. Cụ thể, không có quy định yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương hoặc tổ chức, doanh nghiệp phải thường xuyên tổ chức hoặc phối hợp xây dựng các chiến dịch thông tin một cách thống nhất, đồng bộ trên phạm vi toàn quốc về vấn đề KSTO. Sự thiếu hụt này dẫn đến thực trạng người dân chưa được cung cấp đầy đủ thông tin về mức độ nguy hại của tiếng ồn đối với sức khỏe và môi trường sống cũng như chưa được hướng dẫn

¹⁴ Trần Linh Huân (2023), “Thực trạng ô nhiễm tiếng ồn tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số kiến nghị hoàn thiện về chính sách pháp luật”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 393, tr. 49.

¹⁵ VTC24h (2014), *TP. HCM: Nhức nhối cơ sở sản xuất nước đá gây ô nhiễm tiếng ồn*, <https://vtv.vn/trong-nuoc/tp-hcm-nhuc-nhoi-co-so-san-xuat-nuoc-da-gay-o-nhiem-tieng-on-20141029205037002.htm>, truy cập 02/7/2025.

¹⁶ Sỹ Đông (2015), *Quán xá dội nhạc, hàng xóm điên đầu*, <https://nld.com.vn/ban-doc/quan-xa-doi-nhac-hang-xom-dien-dau-20150329222339898.htm>, truy cập 02/7/2025.

một cách chi tiết về quyền và nghĩa vụ trong việc hạn chế tiếng ồn. Điều này dẫn đến tình trạng những hoạt động sinh hoạt, kinh doanh hằng ngày như sử dụng loa công suất lớn, hát karaoke, vận hành máy móc hoặc phương tiện có độ ồn cao thường không được kiểm soát chặt chẽ vì thiếu sự hiểu biết về mức ồn tối đa cho phép cũng như quy trình xử lý khi vi phạm. Chính vì chưa có cơ chế bắt buộc và rõ ràng về truyền thông giáo dục, nhiều cá nhân, hộ gia đình vô tình gây ô nhiễm tiếng ồn mà không nhận thức đầy đủ về hậu quả đối với chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Bên cạnh đó, trong trường hợp có khiếu nại hoặc tranh chấp liên quan đến tiếng ồn, người dân cũng không nắm rõ căn cứ pháp lý hay quy trình giải quyết, gây khó khăn cho cơ quan chức năng trong việc can thiệp và xử lý. Kết quả là hiệu quả KSTO vẫn còn nhiều bất cập, ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe cộng đồng cũng như môi trường sống của người dân.

Sáu là, chưa có quy định cụ thể về cơ chế giám sát và phản hồi từ người dân về vấn đề ô nhiễm tiếng ồn. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về việc thiết lập cơ chế giám sát và phản hồi từ người dân đối với vấn đề ô nhiễm tiếng ồn, gây khó khăn cho công tác quản lý và KSTO một cách hiệu quả. Hệ thống giám sát hiện hành còn thiếu hướng dẫn chi tiết, khiến người dân không có phương thức rõ ràng để chủ động theo dõi, ghi nhận và báo cáo tình trạng tiếng ồn trong khu vực sinh sống. Bên cạnh đó, do chưa hình thành một hệ thống phản hồi chính thức, người dân gặp nhiều trở ngại khi muốn khiếu nại hoặc tố giác các hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn, làm giảm tính kịp thời và minh bạch trong quá trình giải quyết. Dù một số kênh như

đường dây nóng hay trang web của các cơ quan chức năng đã được mở nhưng do thiếu quy trình pháp lý rõ ràng, đồng bộ và dễ tiếp cận nên dẫn đến các phản ánh của người dân chưa được ghi nhận đầy đủ và xử lý một cách hiệu quả. Trên thực tế, khoảng trống pháp lý này không chỉ làm suy giảm hiệu lực của các biện pháp KSTO mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sống cũng như lợi ích của người dân trong cộng đồng.

4. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về kiểm soát tiếng ồn tại Việt Nam

Để khắc phục những vấn đề hạn chế, bất cập còn đang tồn tại cũng như góp phần vào việc hoàn thiện pháp luật về KSTO, cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, xây dựng thiết lập một khung pháp lý điều chỉnh trực tiếp về KSTO.

Để giải quyết hiệu quả vấn đề KSTO, việc ban hành một luật riêng hoặc ít nhất là một nghị định chuyên biệt điều chỉnh về vấn đề KSTO là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Theo đó, văn bản này khi được xây dựng, ban hành cần tập trung vào quy định các nội dung như: phạm vi áp dụng; quy chuẩn giới hạn tiếng ồn theo từng khu vực chức năng (như khu dân cư, bệnh viện, trường học, khu công nghiệp, khu du lịch...); phân loại cụ thể các nguồn phát sinh tiếng ồn (giao thông vận tải, công trình xây dựng, hoạt động thương mại giải trí, sinh hoạt dân cư...); thời gian giới hạn tiếng ồn trong ngày; quy trình cấp phép hoạt động đối với các nguồn gây tiếng ồn lớn; cơ chế giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm. Đặc biệt, cần quy định về trách nhiệm của các chủ thể có liên quan, nhất là quy định rõ về trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước trong việc quản lý, giám sát và phối hợp thực

thì, tránh tình trạng chồng chéo, buông lỏng.

Kinh nghiệm từ nhiều quốc gia cho thấy mô hình pháp luật chuyên biệt là hướng đi hiệu quả và bền vững. Tại Đức, Luật BImSchG (Luật bảo vệ môi trường khỏi các tác động có hại do ô nhiễm không khí, tiếng ồn, rung động và các quá trình tương tự gây ra)¹⁷ cùng với Hướng dẫn TA Lärm (Hướng dẫn kỹ thuật về bảo vệ chống tiếng ồn)¹⁸ đã tạo nên một khuôn khổ pháp lý chuyên sâu và chặt chẽ trong KSTO. TA Lärm quy định rõ các ngưỡng giới hạn tiếng ồn tối đa cho từng loại khu vực chức năng như khu dân cư, khu thương mại, khu công nghiệp... và phân chia chi tiết theo các khung thời gian trong ngày. Ngoài ra, quy chuẩn này cũng quy định phương pháp đo tiếng ồn, cách đánh giá tác động và yêu cầu về khoảng cách an toàn đối với các nguồn phát tiếng ồn cố định. Cơ chế này không chỉ đảm bảo tính chính xác, minh bạch trong việc xác định vi phạm mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý áp dụng nhất quán và hiệu quả trên toàn quốc, từ đó góp phần nâng cao chất lượng môi trường sống và hạn chế xung đột xã hội liên quan đến ô nhiễm tiếng ồn. Tại Hồng Kông, Đạo luật Noise Control Ordinance (Cap.

400)¹⁹ là một văn bản pháp luật chuyên biệt được ban hành nhằm kiểm soát toàn diện ô nhiễm tiếng ồn từ nhiều nguồn khác nhau như công trường xây dựng, hoạt động sinh hoạt dân cư, thiết bị cơ giới và phương tiện giao thông. Đạo luật này quy định rõ mức giới hạn tiếng ồn cho từng loại nguồn, thời gian và khu vực cụ thể, đồng thời yêu cầu các chủ thể gây tiếng ồn đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng phải xin giấy phép làm việc vào ban đêm hoặc ngoài giờ quy định. Ngoài ra, pháp luật còn trao quyền cho cơ quan chức năng tiến hành thanh tra, đo đạc tiếng ồn tại hiện trường và ban hành lệnh chấm dứt hoạt động nếu vượt ngưỡng cho phép. Cơ chế xử phạt cũng được quy định nghiêm khắc với các mức phạt rõ ràng, mang tính răn đe cao. Nhờ hệ thống pháp lý này, Hồng Kông đã thiết lập được một cơ chế KSTO hiệu quả, đảm bảo cân bằng giữa phát triển đô thị và bảo vệ môi trường sống của người dân. Tại Nhật Bản, từ năm 1968, Chính phủ đã ban hành Noise Regulation Law²⁰ - đạo luật chuyên biệt về KSTO, đặt nền móng cho hệ thống quản lý ô nhiễm tiếng ồn hiện đại và có tính phân vùng cao. Đạo luật này quy định rõ việc phân chia đô thị thành các khu vực chức năng và áp dụng các tiêu chuẩn giới hạn tiếng ồn khác nhau tùy theo từng loại nguồn phát thải như giao thông đường bộ, đường sắt, nhà máy, công

¹⁷ Bundesministerium der Justiz và Bundesamt für Justiz (1974), *Gesetz zum Schutz vor schädlichen Umwelteinwirkungen durch Luftverunreinigungen, Geräusche, Erschütterungen und ähnliche Vorgänge (Bundes-Immissionsschutzgesetz - BImSchG)*, <https://www.gesetze-im-internet.de/bimschg/>, truy cập 15/4/2026.

¹⁸ Bundesregierung (1998), *Sechste Allgemeine Verwaltungsvorschrift zum Bundes-Immissionsschutzgesetz (Technische Anleitung zum Schutz gegen Lärm - TA Lärm)*, https://www.verwaltungsvorschriften-im-internet.de/bsvvwbund_26081998_IG19980826.htm, truy cập 15/4/2026.

¹⁹ Hong Kong Special Administrative Region (1998), *Noise Control Ordinance* (Cap. 400), Hong Kong e-Legislation, Department of Justice, <https://www.elegislation.gov.hk/hk/cap400>, truy cập 15/4/2026.

²⁰ Japan (1968), *Noise Regulation Law* [騒音規制法], <https://laws.e-gov.go.jp/law/343AC0000000098>, truy cập 15/4/2026.

trình xây dựng, cũng như theo từng khung thời gian trong ngày. Ngoài ra, Đạo luật cũng quy định nghĩa vụ giám sát định kỳ, đánh giá tác động tiếng ồn và áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp đối với từng loại hình cơ sở sản xuất, công trình xây dựng. Cách tiếp cận này cho phép Nhật Bản kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn một cách khoa học, linh hoạt, giảm thiểu xung đột giữa các hoạt động phát triển kinh tế và nhu cầu bảo vệ môi trường sống. Tại Thụy Sĩ, Chính phủ đã ban hành Sắc lệnh về chống tiếng ồn như một công cụ pháp lý quan trọng trong quản lý ô nhiễm tiếng ồn trên toàn quốc²¹. Sắc lệnh này quy định rõ trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc xây dựng và cập nhật bản đồ tiếng ồn quốc gia, một cơ sở dữ liệu không gian giúp nhận diện chính xác các khu vực bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn vượt ngưỡng. Ngoài ra, sắc lệnh này còn yêu cầu tích hợp đánh giá tác động tiếng ồn vào quá trình quy hoạch đô thị, giao thông và xây dựng, đồng thời bắt buộc sử dụng vật liệu cách âm hoặc thiết kế kỹ thuật phù hợp đối với các công trình xây dựng tại những khu vực có nguy cơ ô nhiễm tiếng ồn cao, đặc biệt là gần đường cao tốc, nhà ga và khu công nghiệp. Tại Hàn Quốc, Luật KSTO và độ rung²² được xây dựng một cách toàn diện, trong đó phân định rõ trách

nhiệm giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương trong việc giám sát, quản lý và xử lý các nguồn gây tiếng ồn. Luật này cũng yêu cầu thực hiện giám sát định kỳ mức độ tiếng ồn tại khu dân cư, trường học và các khu vực nhạy cảm khác, đồng thời áp dụng các chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với các hành vi vi phạm quy chuẩn tiếng ồn. Cơ chế phối hợp rõ ràng, kèm theo công cụ giám sát kỹ thuật hiện đại và hệ thống pháp lý đồng bộ đã giúp Hàn Quốc kiểm soát hiệu quả tiếng ồn đô thị. Những kinh nghiệm nêu trên cho thấy việc ban hành một văn bản pháp luật riêng về KSTO là hết sức cần thiết nhằm xây dựng cơ chế quản lý chuyên sâu, rõ ràng, có hiệu lực và hiệu quả, phù hợp với xu hướng quản lý môi trường hiện đại. Từ đó, Việt Nam hoàn toàn có thể tiếp thu có chọn lọc, nội luật hoá phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội trong nước nhằm nâng cao hiệu quả KSTO.

Hai là, quy định phân vùng KSTO cụ thể cho từng loại khu dân cư.

Việc quy định phân vùng KSTO cụ thể cho từng loại khu dân cư là yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo môi trường sống chất lượng, đáp ứng nhu cầu và đặc điểm sinh hoạt của người dân. Trước hết, cần phân loại chi tiết các khu vực dân cư dựa trên đặc điểm hoạt động và môi trường sống, như khu đô thị có mật độ dân cư cao, khu vực nông thôn với không gian yên tĩnh, khu vực gần các khu công nghiệp thường xuyên chịu tác động từ sản xuất và các khu vực lân cận các tuyến giao thông lớn nơi tiếng ồn từ phương tiện chiếm ưu thế. Dựa trên sự phân loại này, cần xác định mức giới hạn tiếng ồn phù hợp với từng loại khu vực và từng khung giờ cụ thể, bao gồm ban ngày, buổi tối và ban đêm,

²¹ Swiss Federal Council (1986), *Noise Abatement Ordinance of 15 December 1986 (NAO)*, SR 814.41, https://www.fedlex.admin.ch/eli/cc/1987/338_338_338/en, truy cập 15/4/2026.

²² Republic of Korea (1990), *Noise and Vibration Control Act* [소음·진동관리법], originally enacted by Act No. 4259 on 1 August 1990, as amended, Articles 2-2, 2-3, 3, 14-18, 21-23 and 47, Korean Law Information Center, Ministry of Government Legislation, <https://www.law.go.kr/법령/소음·진동관리법>, truy cập 15/4/2026.

nhằm phản ánh đúng nhu cầu thực tế. Chẳng hạn, các khu vực có yêu cầu cao về sự yên tĩnh như trường học, bệnh viện hay khu nghỉ dưỡng cần thiết lập mức giới hạn tiếng ồn thấp, không vượt quá 50 dBA vào ban ngày và thấp hơn vào ban đêm. Việc giới hạn này là cần thiết để bảo đảm môi trường yên tĩnh. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay, việc áp dụng mức giới hạn này vẫn gặp khó khăn do hạ tầng đô thị còn phức tạp, hoạt động xây dựng và giao thông dày đặc, cùng với ý thức chấp hành pháp luật về tiếng ồn còn hạn chế. Do đó, để giải pháp này khả thi, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương, công an cơ sở và cơ quan nông nghiệp môi trường trong việc kiểm tra, đo đạc và xử phạt theo quy định tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP. Đồng thời, cần quy hoạch rõ ràng vùng KSTO, lắp đặt biển báo, tăng cường tuyên truyền và khuyến khích áp dụng các giải pháp cách âm trong thiết kế công trình. Với sự quyết liệt và đồng bộ trong thực thi, mục tiêu KSTO dưới 50 dBA tại các khu vực này hoàn toàn có thể đạt được trong tương lai gần. Trong khi đó, khu vực thương mại hoặc trung tâm thành phố, nơi tập trung nhiều hoạt động kinh doanh, có thể áp dụng mức giới hạn cao hơn, cụ thể là nên được đặt trong khoảng 65-70 dBA. Đây là mức cho phép phù hợp với thực tiễn hoạt động sôi động của các khu vực này, nơi có mật độ giao thông và kinh doanh cao nhưng vẫn đảm bảo không vượt quá ngưỡng có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng, từ đó giúp cân bằng giữa nhu cầu phát triển kinh tế đô thị và yêu cầu bảo vệ môi trường sống, đặc biệt là trong bối cảnh đô thị hoá ngày càng gia tăng.

Ba là, quy định cụ thể về cơ chế đo lường ô nhiễm tiếng ồn.

Để bảo đảm tính chính xác và hiệu quả trong KSTO, cần ban hành cơ chế đo lường với các quy định cụ thể và chi tiết. Trước tiên, cần thiết lập phương pháp đo lường rõ ràng, bao gồm yêu cầu sử dụng thiết bị đo đạt chuẩn quốc tế, chẳng hạn theo tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, để bảo đảm tính đồng bộ và chính xác của kết quả. Vị trí đo lường cũng phải được quy định cụ thể, phù hợp với từng tình huống, như đo tại cửa nhà dân cư, bên trong nhà hoặc tại các điểm gần nguồn phát tiếng ồn, nhằm phản ánh đúng mức độ ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Thời điểm đo lường cần được xác định rõ ràng, theo các khung giờ cụ thể như ban ngày, buổi tối và ban đêm, để đánh giá toàn diện tác động của tiếng ồn trong các khoảng thời gian khác nhau, đặc biệt là các thời điểm nhạy cảm như ban đêm hoặc giờ nghỉ trưa. Ngoài ra, cần thực hiện đo lường trong những điều kiện tiêu biểu cho mức tiếng ồn cao nhất, chẳng hạn khi có công trình xây dựng, lưu lượng giao thông cao hoặc trong các sự kiện gây tiếng ồn đặc biệt. Cùng với đó, cần xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan giám sát, như cơ quan môi trường, chính quyền địa phương hoặc các tổ chức chuyên môn trong việc thực hiện đo lường, giám sát và xử lý vi phạm. Quy trình đo lường phải được xây dựng minh bạch, bao gồm các bước như tiếp nhận phản ánh từ người dân, kiểm tra thực địa, lập báo cáo và thông báo kết quả đến các bên liên quan. Việc đưa ra những quy định chi tiết này không chỉ giúp KSTO hiệu quả hơn mà còn tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, giúp các cơ quan chức năng thực thi pháp luật

một cách minh bạch, công bằng, qua đó bảo vệ sức khỏe, quyền lợi và nâng cao chất lượng sống của người dân trong các khu vực bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn.

Bốn là, quy định rõ ràng về cơ chế xử lý hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn.

Cơ chế xử lý vi phạm ô nhiễm tiếng ồn cần được xây dựng chi tiết và rõ ràng để đảm bảo tính nghiêm minh và hiệu quả trong thực thi. Trước hết, cần xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân gây tiếng ồn vượt mức quy định, điều này bao gồm việc phân loại các loại vi phạm, như tiếng ồn từ hoạt động xây dựng, kinh doanh hoặc sinh hoạt cá nhân và đánh giá mức độ vi phạm dựa trên mức tiếng ồn thực tế so với ngưỡng cho phép. Tùy theo mức độ vi phạm, tổ chức hoặc cá nhân liên quan sẽ phải chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả, giảm thiểu tiếng ồn hoặc đối mặt với các biện pháp xử phạt cụ thể. Việc xử phạt hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn sẽ đạt hiệu quả nếu được thực hiện đúng thẩm quyền, kịp thời, nghiêm minh. Đồng thời, để tăng cường tính răn đe, cần áp dụng các hình thức xử phạt nghiêm khắc như cảnh cáo, phạt tiền với mức tăng lũy tiến tùy vào mức độ và tính chất tái diễn của vi phạm hoặc đình chỉ hoạt động đối với các trường hợp cố tình vi phạm nghiêm trọng. Đặc biệt, các hành vi gây tiếng ồn liên tục vào ban đêm hoặc tại các khu vực nhạy cảm như gần trường học, bệnh viện cần bị áp dụng mức phạt nặng hơn, kèm theo yêu cầu khắc phục ngay lập tức. Ngoài ra, cơ chế xử lý vi phạm cần được thực hiện thông qua quy trình minh bạch và khả thi, kết quả xử lý cần được công khai để tạo niềm tin trong cộng đồng và tăng cường ý thức chấp hành pháp luật về môi trường. Cơ chế

này không chỉ giúp giảm thiểu tiếng ồn mà còn thúc đẩy trách nhiệm xã hội và xây dựng môi trường sống lành mạnh, văn minh.

Năm là, quy định cụ thể các chương trình truyền thông bắt buộc về tác hại của ô nhiễm tiếng ồn, quyền và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư trong việc tuân thủ quy định về KSTO.

Theo đó, pháp luật cần quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý môi trường, chính quyền địa phương và các tổ chức liên quan trong việc triển khai các chương trình truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về ô nhiễm tiếng ồn. Các chương trình này nên tập trung vào hai nội dung chính gồm tác hại của tiếng ồn và quyền lợi, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư trong việc KSTO. Về tác hại của ô nhiễm tiếng ồn, cần cung cấp thông tin khoa học chi tiết để người dân hiểu rõ những ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe. Về quyền lợi và nghĩa vụ, cần nhấn mạnh rằng mọi cá nhân có quyền sống trong môi trường yên tĩnh, tuân thủ tiêu chuẩn tiếng ồn do pháp luật quy định. Đồng thời, mỗi người cần thực hiện trách nhiệm tuân thủ các giới hạn tiếng ồn trong sinh hoạt hàng ngày như sử dụng loa đài, thiết bị âm thanh trong giờ quy định với âm lượng phù hợp. Người dân cũng phải ý thức không gây ảnh hưởng tiêu cực đến hàng xóm hay cộng đồng xung quanh, thể hiện sự tôn trọng và bảo vệ môi trường sống chung. Các quy định cụ thể về các chương trình truyền thông bắt buộc này không chỉ giúp nâng cao ý thức cộng đồng mà còn góp phần thay đổi hành vi, giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và xây dựng một môi trường sống văn minh, lành mạnh hơn cho toàn xã hội.

Sáu là, quy định cụ thể về cơ chế giám sát và phản hồi từ người dân về vấn đề ô nhiễm tiếng ồn.

Theo đó, cần thiết lập các quy định cụ thể về cơ chế giám sát và phản hồi từ người dân đối với vấn đề ô nhiễm tiếng ồn tại khu dân cư, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và bảo vệ quyền lợi cộng đồng. Trước tiên, hệ thống giám sát cần được xây dựng chặt chẽ, bao gồm trang bị thiết bị đo tiếng ồn đạt chuẩn cho các cơ quan chức năng, như cơ quan môi trường hoặc chính quyền địa phương, những thiết bị này sẽ hỗ trợ thực hiện giám sát định kỳ tại các khu vực có nguy cơ cao về ô nhiễm tiếng ồn. Đồng thời, cần thiết lập các điểm đo cố định hoặc tổ chức kiểm tra đột xuất dựa trên phản ánh từ người dân, đảm bảo việc giám sát được thực hiện khách quan và kịp thời để xử lý các vi phạm. Về cơ chế phản hồi từ người dân, cần quy định xây dựng các kênh tiếp nhận thông tin thuận tiện, dễ dàng tiếp cận như thiết lập đường dây nóng, ứng dụng di động hoặc trang web chuyên dụng, những kênh này sẽ giúp người dân nhanh chóng gửi khiếu nại hoặc báo cáo tình trạng tiếng ồn trong khu vực. Quy trình tiếp nhận và xử lý phản hồi cần được quy định rõ ràng, bao gồm các bước ghi nhận thông tin, kiểm tra thực tế và thông báo kết quả xử lý đến người khiếu nại. Thời gian xử lý cũng cần được xác định cụ thể để đảm bảo phản ứng nhanh chóng, tránh tình trạng kéo dài gây bức xúc trong cộng đồng. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý cần công khai minh bạch thông tin về các vụ việc đã xử lý, các biện pháp khắc phục được áp dụng, cũng như kết quả đạt được. Việc này không chỉ giúp tăng cường niềm tin của

người dân mà còn thúc đẩy sự tham gia tích cực của cộng đồng vào công tác giám sát và bảo vệ môi trường sống./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Thị Mai Trang (2024), *Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Mai Xuân Minh (2013), *Pháp luật về quản lý nước thải khu công nghiệp*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Michael D. Seidman, Robert T. Standring (2010), “Noise and Quality of Life”, *International Journal of Environmental Research and Public Health*, Vol. 7, No. 10.
4. Ngô Ngọc Diễm (2022), “Cần tội phạm hoá hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 15.
5. Nguyễn Lưu Lan Phương (2018), “Pháp luật Liên minh châu Âu và một số nước châu Âu về kiểm soát nguồn ồn giao thông - Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn*, số 36.
6. Phạm Thị Hồng Tâm, Trần Linh Huân (2022), “Thực thi pháp luật về kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn và một số vấn đề pháp lý đặt ra”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số 140(201).
7. Trần Linh Huân (2023), “Thực trạng ô nhiễm tiếng ồn tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 393.
8. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật Môi trường*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.